

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số **103/2026/HSST**
Ngày 05 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Dương Thị Thái

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1014/2026/QĐXXST-HS ngày 20/5/2026 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Trần Hữu Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02.02.1992, tại TP .; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố P, phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 048092008223, cấp ngày 11.8.2021. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH- Bộ C2; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Trần D và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Thùy T và 01 (sinh năm 2021); Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26.5.2025, Trần Hữu Đ bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Thành C - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: TDP N, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22 tháng 12 năm 2025, do biết Trần Hữu Đ thường xuyên chở vật liệu xây dựng cho các cơ sở mua bán vật liệu xây dựng ở phường H nên ông Nguyễn T1 liên hệ và nói Đ chở 02m³ cát xây dựng đến đổ bán tại khu T thuộc Tổ dân phố L, phường H, thành phố Đà Nẵng để phục vụ việc xây bồn hoa và làm nền bê tông thì Đ đồng ý. Do biết tại khu vực bãi bồi sông C có cát có thể khai thác nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 23 tháng 12 năm 2025, Trần Hữu Đ điều khiển xe máy kéo hiệu KUBOTA L2402DT có gắn móc thùng sắt tự chế mang theo 01 chiếc xẻng dài 180cm lưỡi bằng kim loại, cán bằng tre, lưỡi kích thước (45x22) cm, cán tre dài 150cm có quấn băng keo màu đen ra khu vực bãi cát bồi dưới lòng sông tại bãi bồi sông C thuộc địa phận tổ dân phố L, phường H, thành phố Đà Nẵng và dùng xẻng xúc cát vào thùng xe máy kéo hiệu KUBOTA L2402DT. Sau khi khai thác được 02m³ cát vàng, trên đường chở đi giao thì Trần Hữu Đ bị tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Đ kiểm tra, phát hiện lập biên bản và tạm giữ tang vật.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 26 tháng 5 năm 2025, Trần Hữu Đ bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC.

Kết quả giám định mẫu khoáng sản số 01/BC-TTGD ngày 09.01.2026 của Trung tâm T2 xác định: Mẫu cát gửi giám định là cát màu vàng, là khoáng sản thuộc danh mục khoáng sản nhóm III.

Ngày 04.12.2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đ có Công văn số 205/SNNMT-KS xác định: Hiện nay, tại khu vực bãi bồi sông C chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (cát).

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐ-ĐG ngày 18.3.2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân phường H xác định: 02m³ cát vàng thuộc danh mục khoáng sản nhóm III trị giá 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Cáo trạng số 31/CT-VKS-KV4 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố Trần Hữu Đ về tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng giữ

nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt Trần Hữu Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; về xử lý vật chứng: tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 xe máy kéo nhãn hiệu KUBOTA L2402DT màu cam có gắn thùng tự chế chứa cát; 02m³ cát vàng nằm trên thùng xe; 01 chiếc xẻng dài 180cm lưỡi bằng kim loại, cán bằng tre, lưỡi kích thước (45x22) cm, cán tre dài 150cm có quấn băng keo màu đen.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thực sự hối hận về hành vi sai trái của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện làm việc nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Có đủ cơ sở để xác định:

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2025, Trần Hữu Đ bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đồng về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC. Tuy nhiên đến rạng sáng ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại khu vực bãi cát bồi dưới lòng sông thuộc bãi bồi sông C thuộc địa phận tổ dân phố L, phường H, thành phố Đà Nẵng, Trần Hữu Đ tiếp tục có hành vi khai thác trái phép 02m³ cát màu vàng là khoáng sản thuộc danh mục khoáng sản nhóm III trị giá 560.000 đồng.

Hành vi của Trần Hữu Đ đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Trần Hữu Đ là người có đầy đủ năng lực và nhận thức được việc khai thác khoáng sản (cát) khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác bị pháp luật

ng nghiêm cấm nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây nguy hại cho môi trường nên phải xét xử một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi đã thực hiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét Trần Hữu Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình vợ không có việc làm ổn định bị cáo là lao động chính để nuôi dưỡng con nhỏ; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy: Đối với 01 xe máy kéo nhãn hiệu KUBOTA L2402DT màu cam có gắn thùng tự chế chứa cát và 02m³ cát vàng nằm trên thùng xe; 01 chiếc xẻng dài 180cm lưỡi bằng kim loại, cán bằng tre, lưỡi kích thước (45x22) cm, cán tre dài 150cm có quấn băng keo màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[5] Xét về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc xử lý vật chứng Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa cơ bản phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Đối với ông Nguyễn Thành C đã có hành vi đặt mua cát của bị cáo, tuy nhiên ông C không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Hữu Đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Trần Hữu Đ phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Hữu Đ: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/6/2026).

Giao bị cáo về nơi đang cư trú là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng để tiếp tục giám sát và giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với 01 xe máy kéo nhãn hiệu KUBOTA L2402DT màu cam có gắn thùng tự chế chứa cát và 02m³ cát vàng nằm trên thùng xe; 01 chiếc xẻng dài 180cm lưỡi bằng kim loại, cán bằng tre, lưỡi kích thước (45x22) cm, cán tre dài 150cm có quấn băng keo màu đen

(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2026).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Trần Hữu Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

(*Đã giải thích về án treo*)

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người tham gia tố tụng
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4 Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra, THAHS CA TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thái

